

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 30 – 01 – 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

1/ Ông Trần Trung T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2/ Bà Hồ Thị D, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Thanh T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2/ Bà Trương Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 02/01/2023 đương lịch ông Trần Trung T có vay của ông số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng và thỏa thuận thời gian thanh toán vào ngày 30/02/2023. Tuy nhiên từ khi vay đến nay ông T không trả vốn và

lãi theo như thỏa thuận. Hiện tại bà Hồ Thị D và ông T là vợ chồng nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai phải cùng có nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời vào ngày 09/8/2023, bà Trương Thị L là mẹ của ông T ký cam kết bảo lãnh trả thay cho ông T, trong trường hợp ông T không thanh toán số tiền trên cho ông vào ngày 12/9/2023. Tại thời điểm bà L ký cam kết thì có con của bà L là bà Trần Thị Huỳnh G chứng kiến và cùng ký vào cam kết. Tuy nhiên, cho đến nay ông T và bà L không trả cho ông số tiền còn nợ. Hiện bà L và ông Trần Thanh T là vợ chồng bà L bảo lãnh trả số tiền ông T còn nợ nên ông T phải cùng có nghĩa vụ với bà L để trả nợ cho ông.

Nay ông yêu cầu giải quyết buộc ông T, bà D, bà L và ông T liên đới trả số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày 09/10/2023 với số tiền 9.230.000 đồng, tổng số tiền là 69.230.137 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Trần Trung T, bà Hồ Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T và bà Trương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa:

- Ông Sử trình bày: Bà Trần Thị Huỳnh G chỉ ký vào biên nhận với tư cách là người chứng kiến sự việc nên ông không đặt ra yêu cầu gì đối với bà G. Nay yêu cầu buộc ông T, bà D, bà L và ông T liên đới trả số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/01/2024 với số tiền 12.792.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 72.792.000 đồng.

- Ông T, bà D, ông T và bà L vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Trần Trung T, bà Hồ Thị D, bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T liên đới trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Trung T và bà Hồ Thị D cùng cư trú tại ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông T và bà D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T và bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà D, ông T và bà L.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Ông S yêu cầu ông T, bà D, bà L và ông T liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định pháp luật. Tại biên nhận nợ vào ngày 02/01/2023 do ông T ký xác lập thể hiện ông T vay của ông S số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 30/02/2023. Bên cạnh đó, vào ngày 09/8/2023 bà L ký giấy cam kết sẽ trả thay cho ông T trường hợp đến ngày 12/9/2023 ông T không thanh toán cho ông S số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, xác định việc ông T vay số tiền 60.000.000 đồng của ông S và bà L có ký bảo lãnh trả nợ thay cho ông S là thực tế có xảy ra. Từ khi vay đến nay ông T không thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T, bà D, bà L và ông T đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Do bà D là vợ của ông T và ông T là chồng bà L nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu ông T, bà D, bà L và ông T liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng là có căn cứ. Ông S yêu cầu lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/01/2023 đến ngày 30/01/2024 là: $60.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 12.792.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là 72.792.000 đồng. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc ông T, bà D, bà L và ông T liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn và lãi là 72.792.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí. Ông T, bà D, bà L và ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc ông Trần Trung T, bà Hồ Thị D, bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi còn nợ 72.792.000 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Trung T, bà Hồ Thị D, bà Trương Thị L và ông Trần Thanh T liên đới chịu số tiền 3.640.000 đồng (làm tròn số). Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.731.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019258 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau, ông S được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như